

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2023/DS-ST

Ngày: 15/9/2023

V/v: TrAh chấp hụi

**NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE- TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn ThAh Thuở

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Ngọc Hồng

Ông Lâm Thành Thông

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Cẩm TrAg - Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre
tham gia:*** Bà Nguyễn Thị Phương Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2023 về việc “TrAh chấp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2023/QĐXX -DS ngày 26 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 142/2023/QĐST-DS ngày 18/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Tuyết V, sinh năm 1962

Địa chỉ: 89, khu phố T, thị trấn Tiên T, huyện C tỉnh B

Người đại diện theo ủy quyền của ngU đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1994. Địa chỉ: 303C ấp Mỹ A C, xã Mỹ Thạnh A, thành phố B, tỉnh B

Bị đơn: Bà Đào Đặng Tổ U, sinh năm 1982

Ông Trần Văn L, sinh năm 1979

Địa chỉ: 134C khu phố 3, phường 7, thành phố B, tỉnh B

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Dương Mỹ Hoài A, sinh năm 1992

Địa chỉ: 89, khu phố Tiên Đông Vàm, thị trấn T, huyện C, tỉnh B

- Bà Nguyễn Thị Mộng R

Địa chỉ: 266B3, khu phố 3, phường 8, thành phố B, tỉnh B

Nơi ở hiện nay: 383B, ấp Phú L, xã Bình P, thành phố B, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, vợ chồng bà U có kêu bà V tham gia chơi hụi do bà U làm chủ hụi. Thời gian đầu bà U kêu hụi và giao tiền hụi đầy đủ cho hụi viên, tạo lòng tin cho nhiều hụi viên, để cho bà V chơi nhiều dây hụi do bà U làm chủ hụi hơn. Việc chơi hụi giữa bà V với vợ chồng bà U dựa trên sự tin tưởng, không lập giấy tờ gì. Hàng tháng, bà U sẽ báo cho bà V biết các dây hụi bà V tham gia kêu hụi bao nhiêu tiền và bà V phải đóng tiền hụi cho bà U là bao nhiêu tiền, hàng tháng bà V sẽ đóng tiền hụi thì bà U hoặc ông L là người nhận tiền bằng tiền mặt hoặc qua sổ tài khoản, tất cả không có lập thành sổ sách, giấy tờ gì. Sau đó bà U tuyên bố vỡ hụi, không chịu thanh toán tiền hụi cho bà V. Ngày 03/11/2022, sau khi đối chiếu sổ sách các dây hụi, bà U có viết giấy nợ hụi cho bà V, bà U chốt lại số tiền hụi bà U thiếu bà V là 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ). Bà U hứa sẽ thanh toán cho bà V số tiền trên hoặc bán nhà đất cho bà V theo giá thị trường để trừ nợ nhưng bà U, ông L hứa hẹn nhiều lần không thực hiện. Bà V khởi kiện để yêu cầu bà U, ông L trả số tiền trên. Sau khi Tòa án thụ lý thì bà U liên hệ với bà V hứa sẽ trả số tiền trên và bà V rút đơn khởi kiện. Sau đó, bà V liên hệ bà U ông L thì ông bà không thực hiện trả số tiền trên mà cố tình trốn tránh. Nay bà Phạm Thị Tuyết V khởi kiện yêu cầu bà Đào Đăng Tố U, ông Trần Văn L có trách nhiệm liên đới trả số tiền 5.000.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Đào Đăng Tố U vắng mặt nhưng có gửi Đơn trình báo ngày 20/3/2023 với nội dung trình bày:

Vừa qua tôi có nhận được thông báo của Tòa án mời đến giải quyết việc tranh chấp hụi với bà Phạm Thị Tuyết V, tôi xin trình bày như sau: Thời gian qua tôi có làm chủ hụi, bà Phạm Thị Tuyết V có tham gia vào dây hụi của tôi. Vào cuối năm 2022 tại Bến Tre xảy ra tình trạng giựt hụi rất nhiều nên tôi thông báo cho bà V cùng các hụi viên khác sẽ tạm dừng chơi hụi khoảng 03 tháng, chờ tình hình ổn định tiếp. Do đó tôi nói bà V đến nhà tôi đối chiếu sổ sách để tôi trả số tiền gốc cho bà nhưng bà V không đến, tôi dự tính tôi trừ giữa hụi sống và hụi chết mà bà đã hốt còn lại tôi nợ bà khoảng 800 triệu đồng. Tôi điện thoại thông báo số tiền đó bà không đồng ý cũng không đến nhà tôi tính lại. Là một công dân bà bất chấp pháp luật bà dùng nhiều thủ đoạn để cưỡng đoạt tài sản của tôi, cụ thể bà dẫn một nhóm người khoảng 10 người băng nhóm xã hội đen đến nhà tôi uy hiếp ép buộc, dọa nạt bắt tôi phải viết giấy nợ bà 05 tỷ đồng, nếu tôi không viết giấy nợ thì nhóm người này sẽ giết tôi. Lúc đó tôi ở nhà một mình do quá sợ bị hành hung nên tôi viết giấy nợ 05 tỷ đồng theo yêu cầu của bà. Khi bà về tôi gọi điện thoại nói với bà tôi không có nợ số tiền đó, tôi sẽ báo việc này cho Công an biết, bà nói để bà tính lại. Cũng bằng nhóm này cầm giấy nợ đến nhà kêu tôi trả 3 tỷ thôi, tôi không đồng ý tôi nói chỉ nợ có 800 triệu đồng. Nhóm người này nói trong vòng 02 tháng không trả số

tiền 03 tỷ thì họ không dễ tôi yên. Ngoài ra bà còn sử dụng mạng xã hội đăng tải công khai bài viết nhằm mục đích vu khống, làm nhục, xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của tôi, chồng con tôi. Nhận thấy hành vi trên của bà V có dấu hiệu cường đoạt tài sản nên tôi đã gửi đơn kiện về hành vi vi phạm pháp luật đến Công An thành phố Bến Tre

Quá trình giải quyết vụ bị đơn bà Đào Đăng Tổ U, ông Trần Văn L đều vắng mặt.

Theo bản tự khai, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Mỹ Hoài A trình bày:

Bà là con của bà Phạm Thị Tuyết V, trong việc chơi hụi giữa bà V và bà Đào Đăng Tổ U bà biết rõ vì bà là người được bà V nhờ đi đóng hụi cho bà U. Việc đóng hụi cho bà U bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản của bà đến tài khoản của bà U, ông Trần Văn L chồng bà U và bà Nguyễn Thị Mộng R (chị bà U). Bà đóng hụi dùm cho bà V từ năm 2018 đến năm 2022 với số tiền rất lớn, khoảng 20.061.000.000 đồng bao gồm cả hụi sống và hụi chết. Bà không biết số tiền cụ thể bà U nợ bà V bao nhiêu. Bà không có yêu cầu gì trong vụ án tranh chấp giữa bà V và bà U.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội Thẩm nhân dân và Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự còn bị đơn, vắng mặt nên đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Tuyết V. Buộc bà Đào Đăng Tổ U ông Trần Văn L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phạm Thị Tuyết V số tiền nợ hụi là 5.000.000.000 đồng. Ghi nhận việc bà V không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Phạm Thị Tuyết V khởi kiện yêu cầu bà Đào Đăng Tổ U, ông Trần Văn L trả số tiền hụi nên xác định quan hệ tranh chấp là “tranh chấp hụi” theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Đào Đăng Tổ U, ông Trần Văn L có nơi cư trú tại phường 7, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Đào Đăng Tổ U, ông Trần Văn L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mộng Ren đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng đều

vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Bà Phạm Thị Tuyền V khởi kiện yêu cầu bà Đào Đặng Tổ U, ông Trần Văn L có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ hui là 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng). Chứng cứ bà V cung cấp Giấy nợ hui ngày 3/11/2022, bà V cho rằng chứng cứ này do bà U viết và ký tên. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà U, ông L không đến Tòa án để tham gia giải vụ việc trAh chấp của bà V. Tuy nhiên, bà U có gửi cho Tòa án văn bản cho rằng Giấy nợ hui ngày 3/11/2022 do bà viết và ký tên nhưng việc viết giấy này bà bị bà V đe dọa, ép buộc bà viết, thực tế bà chỉ nợ của bà V 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng).

[5] Quá trình giải quyết vụ án, bà V có cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ thể hiện việc chơi hui, đóng tiền hui trong việc chơi hui với bà U. Các tài liệu chứng cứ này chỉ thể hiện việc bà V có chơi hui và đóng hui cho bà U nhưng không xác định được số tiền nợ của bà U đối với bà V. Giữa bà V và bà U thống nhất có chơi hui với nhau nhưng không thống nhất số tiền còn nợ. Tuy nhiên theo Giấy nợ hui đề ngày 3/11/2022 có nội dung "*Hôm nay ngày 3.11.2022. Tôi tên Đào Đặng Tổ U: 04.11.1982 CMND 321072163 ĐC 134C KP3 F7 Đường Hùng Vương TP Bến Tre. Hôm nay tôi xác nhận lại rằng tôi đAg nợ bà Phạm Thị Tuyết V SN 1962, ĐC 89 ấp Tiên Đông Vàm, xã Tiên Thủy, Châu Thành, Bến Tre số tiền hui 5 tỷ đồng (Năm tỷ đồng). Hình thức trả nợ: tôi hiện tại đAg còn 1 miếng đất, tôi sẽ trả cho cô V bán theo giá thị trường, nếu cô V đồng ý mua để trả nợ cho cô V. Tôi cam kết nếu như không làm theo những lời nói trên, Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Người viết giấy nợ Đào Đặng Tổ U*". Bà U thừa nhận giấy này do bà viết nhưng bà bị bà V đe dọa, ép buộc bà viết, thực tế bà chỉ còn nợ bà V 800.000.000 đồng. Theo Văn bản số 02/CAP ngày 06/6/2023 của Công A phường 7, thành phố Bến Tre xác định Ngày 23/02/2023 Công A phường 7 có nhận đơn tố cáo do Trưởng Công A thành phố chuyển đến, chỉ đạo tiếp nhận, xử lý và tham mưu giải quyết theo đúng quy định pháp luật. Nội dung đơn đề ngày 17/02/2023 của bà Đào Đặng Tổ U, sinh năm 1982, địa chỉ 143C khu phố 3, phường 7, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tố cáo bà Phạm Thị Tuyết V, sinh năm 1962, cư ngụ ấp Tiên Tây Vàm, xã Tiên Thủy, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre thuê băng nhóm xã hội đen đến đập phá nhà, bôi nhọ dAh dự trên Facebook và không chế ép viết giấy nợ 5 tỷ. Ngày 31/5/2023, Công A phường 7 đã ban hành Kết luận số 01/KL-CAP về nội dung tố cáo đối với bà V của bà U, chưa đủ cơ sở để kết luận về việc bà V cùng nhiều người đến nhà bà U không chế, bắt ép viết giấy nợ 5 tỷ đồng (bút lục 280). Ngoài ra, bà U không có chứng cứ nào khác chứng minh cho việc bà chỉ còn nợ bà V số tiền 800.000.000 đồng. Từ những cơ sở nêu trên có đủ cơ sở xác định bà Đào Đặng Tổ U còn nợ bà Phạm Thị Tuyết V số tiền hui là 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng), do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Tuyết V.

[6] Bà Phạm Thị Tuyết V yêu cầu chồng bà Đào Đặng Tổ U là ông Trần Văn L có trách nhiệm trả số tiền nợ nêu trên. Xét thấy, tại thông báo số định dAh cá nhân và thông tin công dân ngày 27/02/2023 của Công A phường 7, thành phố Bến Tre xác định ông Trần Văn L là chồng của bà Đào Đặng Tổ U, ông L có nơi cư trú

tại 134C, đường Hùng Vương, khu phố 3, phường 7, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (bức lục số 300, 301). Theo lời trình bày của bà V thì quá trình bà U làm chủ hội, bà V có đóng hội cho bà U qua sổ tài khoản của ông L, ông L biết bà U làm chủ hội và không có ý kiến phản đối gì. Việc bà U tổ chức chơi hội nhằm tạo thu nhập để phát triển kinh tế gia đình chung. Do đó, ông L phải có trách nhiệm liên đới cùng bà U trả cho bà V số tiền nợ hội nêu trên.

[7] Về lãi suất: Bà Phạm Thị Tuyết V không yêu cầu bà Đào Đăng Tổ U ông Trần Văn L trả lãi chậm trả đối với số tiền 5.000.000.000 đồng. Xét yêu cầu của bà là tự nguyện nên ghi nhận.

[8] Ngoài ra, quá trình chơi hội bà Phạm Thị Tuyết V cho rằng có đóng hội cho bà Đào Đăng Tổ U thông qua tài khoản của bà Nguyễn Thị Mộng Ren là chị của bà U. Tuy nhiên, bà V chỉ yêu cầu khởi kiện đối với bà U, ông L, không yêu cầu gì đối với bà Ren nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[9] Qua điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của bà V được chấp nhận nên bà U ông L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 5.000.000.000 đồng theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể là: $112.000.000 \text{ đồng} + (1.000.000.000 \text{ đồng} \times 0,1\%) = 113.000.000 \text{ đồng}$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, các Điều 147, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 370, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

TU xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Tuyết V đối với bà Đào Đăng Tổ U ông Trần Văn L.

Buộc bà Đào Đăng Tổ U ông Trần Văn L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phạm Thị Tuyết V số tiền nợ hội là 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quaA thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc bà Đào Đăng Tố U ông Trần Văn L có trách nhiệm liên đới nộp số tiền 113.000.000 đồng (Một trăm mười ba triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3. Về quyền kháng cáo:

- Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- TAD tỉnh Bến Tre (1b);
- CCTHADS thành phố Bến Tre (1b);
- Các đương sự (5b);
- Lưu hồ sơ, VP (4b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn ThAh Thuở

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA